TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST Ngày: 03- 7 - 2019 V/v ly hôn giữa chị L và anh H.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Lưỡng.

2. Ông Trần Văn Phong.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng , Thư ký tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Duy Khôi, kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Đoàn Đan L, sinh năm 1988; trú tại: Số 14, Ngách 24, Ngõ 379 Đội C, phường G, quận Đ, Hà Nội (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Phạm Anh H, sinh năm 1983; trú tại: Số 233, Tân G, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lê Đoàn Đan L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H kết hôn tự nguyện, đăng ký tại trụ sở UBND phường Bùi Thị X, quận T, TP. Hà Nội vào 12/3/2015. Sau khi kết hôn chung sống đến tháng 2/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không chịu lao động, chăm lo cho gia đình, vay tiền ăn tiêu không trả được nợ, để chủ nợ đe dọa đến tính mạng chị và con chung. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần, nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện.

Vợ chồng sống ly thân từ 4/2017 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị xin được ly hôn anh H.

Về nuôi con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Phạm Lê Đan A, sinh ngày 04/02/2015 và Phạm Lê Quân B, sinh 17/9/2017. Hiện nay 02 con chung đang ở cùng với chị, sau ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng mỗi con 4.000.000đ

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của Thẩm phán và hoạt động tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

+ Đề nghị xử ly hôn giữa chị Lê Đoàn Đan L và anh Phạm Anh H.

+ Đề nghị giao 02 con chung là Phạm Lê Đan A, sinh ngày 04/02/2015 và Phạm Lê Quân B, sinh ngày 17/9/2017 cho chị Lê Đoàn Đan L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L mỗi tháng mỗi con 1.500.000đ.

+ Về án phí: Chị Lê Đoàn Đan L phải nộp án phí ly hôn. Anh H phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Anh H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phạm Anh H.

[2]Về hôn nhân: Chị Lê Đoàn Đan L và anh Phạm Anh H kết hôn đăng ký tại Uỷ ban nhân dân phường Bùi Thị X, quận T, TP. Hà Nội vào tháng 3/2015 có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không tu chí làm ăn, kinh tế gia đình khó khăn. Chị L và anh H sống ly thân từ tháng 4/2017 cho đến nay, không quan tâm đến nhau, điều đó thể hiện tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn

của chị L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]Về việc nuôi con chung: Chị L và anh H có 02 con chung đang do chị L nuôi dưỡng. Xét thấy con chung còn nhỏ, cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ, anh H đi làm ăn xa không có ở nhà, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, nên chấp nhận yêu cầu của chị L là được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L mỗi tháng, mỗi con là 150.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị L và anh H không có yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]Về án phí: Chị L phải phải nộp án phí ly hôn, anh H phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Lê Đoàn Đan L và anh Phạm Anh H.

2. Về nuôi con chung: Chị Lê Đoàn Đan L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Phạm Lê Đan A, sinh ngày 04/02/2015 và Phạm Lê Quân B, sinh 17/9/2017. Anh Phạm Anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Lê Đoàn Đan L mỗi tháng mỗi con 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ tháng 6/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Phạm Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí : Chị Lê Đoàn Đan L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị L đã nộp theo Biên lai số 0002218 ngày 04 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Anh Phạm Anh H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Đoàn Đan L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Anh H có quyền kháng cáo cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh: 01 bản**;**
- VKSND huyện, tỉnh: 02 bản;
- THADS huyện: 01 bản;
- UBND phương Bùi Thị X, quận T, TP. Hà Nội;
- UBND xã T;
- Lưu HS: 01 bản;
- Lưu VP: 01 bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Thịnh